|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT …..**TRƯỜNG ……….** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  *……, ngày …. tháng … năm 2022* |

**BẢNG CHẤM ĐIỂM**

**CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM HỌC 2021-2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nội dung** | **Điểm chuẩn** | **Tự chấm** | **Điểm thẩm định của Ngành** |
| **I** | **Chất lượng đại trà**  | **350** |  |  |
| **\* Đối với các trường trung học cơ sở** |
|  | Thực hiện tốt công tác chiêu sinh vào lớp 06 đạt 100% kế hoạch (giảm 01% trừ 01 điểm).  | *50* |  |  |
|  | Tỷ lệ học sinh giỏi toàn trường duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | *50* |  |  |
|  | Tỷ lệ học sinh khá toàn trường duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | *50* |  |  |
|  | Tỷ lệ học sinh toàn trường có hạnh kiểm tốt duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | *50* |  |  |
|  | Tỷ lệ học sinh toàn trường có hạnh kiểm khá duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | *50* |  |  |
|  | Tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | *50* |  |  |
|  | Thực hiện tốt việc đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo Chuẩn của quản lý, 100% giáo viên đạt chuẩn theo quy định (giảm 01% trừ 01 điểm) | *50* |  |  |
| **\* Đối với các Trung tâm GDNN-GDTX** |
| 1 | Thực hiện tốt công tác chiêu sinh các lớp nghề, xóa mù chữ, các lớp bổ túc đạt 100% kế hoạch (giảm 01% trừ 01 điểm). | 50 |  |  |
| **2** | Tỷ lệ học sinh giỏi toàn trường duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | 50 |  |  |
| **3** | Tỷ lệ học sinh khá toàn trường duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | 50 |  |  |
| **4** | Tỷ lệ học sinh toàn trường có hạnh kiểm tốt duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | 50 |  |  |
| **5** | Tỷ lệ học sinh toàn trường có hạnh kiểm khá duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | 50 |  |  |
| **6** | Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các lớp xóa mù chữ, các lớp nghề, bổ túc duy trì hoặc tăng so với năm học trước (giảm 01% trừ 01 điểm). | 50 |  |  |
| **7** | Thực hiện tốt việc đánh giá CBQL, giáo viên theo Chuẩn của quản lý, 100% giáo viên đạt chuẩn theo quy định (giảm 01% trừ 01 điểm) | 50 |  |  |
| **II** | **Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng giáo dục** | **100** |  |  |
| 1 | Có giải pháp cụ thể, hiệu quả trong thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đào tạo nghề.  | *40* |  |  |
| 2 | Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá | *30* |  |  |
| 3 | Có biện pháp cụ thể giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh người dân tộc, không có học sinh bỏ học; phát hiện và tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu có hiệu quả.  | *300* |  |  |
| **III** | **Chất lượng mũi nhọn** | **150** |  |  |
| 1 | Trường có học sinh tham gia các hội thi, hội diễn do tỉnh tổ chức | *50* |  |  |
| 2 | Trường có học sinh tham gia và đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia | *50* |  |  |
| 3 | Trường có giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh | *50* |  |  |
| **IV** | **Xây dựng các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia và xây dựng trường học xanh - sạch - sáng - an toàn** | **150** |  |  |
| 1 | Tiếp tục phát huy, đẩy mạnh việc “Xây dựng trường học xanh - sạch - sáng - an toàn” trên cơ sở cụ thể hóa Đề án Ngày Chủ nhật xanh "Hãy hành động để Thừa Thiên Huế thêm Xanh - Sạch - Sáng"; thực hiện tốt phong trào “Nói không với túi ni lông và sản phảm nhựa sử dụng 01 lần”; xây dựng văn hoá nhà trường và nếp sống văn minh đô thị, đẩy mạnh phong trào thi đua "Nét đẹp văn hóa học đường". Đảm bảo môi trường xanh - sạch - sáng - an toàn. | *50* |  |  |
| 2 | Tổ chức hiệu quả các hoạt động phát triển năng lực về các lĩnh vực giáo dục, đào tạo nghề: các CLB HS năng khiếu, các hoạt động về giáo dục kĩ năng sống, kỹ năng hướng nghiệp; các hội thi và giao lưu về khám phá khoá học, an toàn giao thông, trò chơi dân gian, văn nghệ, thể dục, thể thao… | *50* |  |  |
| 3 | Đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng gắn với xây dựng, củng cố, phát triển trường đạt chuẩn quốc gia. Các trường đạt chuẩn tiếp tục giữ vững và nâng cao mức độ đạt chuẩn. Các trường đã đạt chuẩn sau 5 năm tiến hành công tác kiểm định chất lượng để đề nghị công nhận lại. | *50* |  |  |
| **V** | ***Có xây dựng mô hình điển hình, mô hình mới*** | **100** |  |  |
| 1 | Tên mô hình | *30* |  |  |
| 2 | Giải pháp thực hiện | *30* |  |  |
| 3 | Kết quả đạt được khi thực hiện mô hình | *40* |  |  |
| **VI** | **Công tác xã hội hóa giáo dục và từ thiện**  | **100** |  |  |
| 1 | Huy động sự tham gia, đóng góp của cộng đồng, phụ huynh học sinh vào các hoạt động của nhà trường | **50** |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 2 | Có bản tin phụ huynh, nội dung phong phú, sáng tạo, hình thức đẹp | *50* |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** | **1000** |  |  |
|  | **Phòng Giáo dục và Đào tạo***(Ký xác nhân và đóng dấu)* |

**ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ**

**I. Quy định về điểm thưởng:**

1. Trường tham gia hội thi, hội diễn cấp tỉnh đạt giải nhất cộng 05 điểm; giải nhì được cộng 04 điểm; giải ba được cộng 03 điểm; giải khuyến khích được cộng 01 điểm nhưng tổng điểm tối đa không quá **20** điểm.

2. Trường có học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi, hoặc đạt giải trong các hội thi nghề được cộng điểm cụ thể như sau:

**\* Cấp quốc gia:**

- Giải Nhất: Được cộng 08 điểm

- Giải Nhì: Được cộng 06 điểm

- Giải Ba: Được cộng 04 điểm

- Giải Khuyến khich: Được cộng 02 điểm

**\* Cấp tỉnh:**

- Giải Nhất: Được cộng 04 điểm/01 giải

- Giải Nhì: Được cộng 03 điểm/01 giải

- Giải Ba: Được cộng 02 điểm/01 giải

- Giải Khuyến khich: Được cộng 01 điểm/01 giải

**Ghi chú**: Tổng điểm tối đa không quá **30** điểm.

3. Có giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh được cộng 02 điểm/01 giáo viên nhưng tổng điểm tối đa không quá **08** điểm.

4. Trường được khen thưởng cấp Nhà nước (lấy kết quả của năm học liền trước) được cộng **04** điểm.

5. Trường được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (lấy kết quả của năm học liền trước) được cộng **03** điểm.

**II. Quy định về điểm trừ:**

1. Trường để học sinh đánh nhau trong nhà trường trừ 10 điểm.

2. Để xảy ra cháy nổ, mất cắp trong nhà trường trừ 05 điểm.

3. Hiến máu nhân đạo không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch trừ 02 điểm.

4. Trường có học sinh bỏ học trừ 05 điểm/01 em.

5. Trường có học sinh học lực xếp loại yếu trừ 05 điểm/em.

6. Trường có học sinh hạnh kiểm xếp loại yếu trừ 05 điểm/em.